

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Trần Đức T**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động, tổ 63, (thôn Khánh Sơn), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trương Thị Hương G, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Nhà công vụ bệnh viện 199, số 24 đường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G kết hôn với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường phát sinh cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng

không có kết quả. Nay ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G xác định về tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G xác định có 02 con chung là Trần An N, sinh ngày 31/7/2017 và Trần Khả N, sinh ngày 09/9/2019. Ly hôn ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G thống nhất tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Giao 02 con chung Trần An N, sinh ngày 31/7/2017 và Trần Khả N, sinh ngày 09/9/2019 cho Bà Trương Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, ông Trần Đức T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006506 ngày 05/01/2021.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G (Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày

03/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G về việc nuôi con chung như sau:

Giao 02 con chung Trần An N, sinh ngày 31/7/2017 và Trần Khả N, sinh ngày 09/9/2019 cho Bà Trương Thị Hương G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, ông Trần Đức T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2021 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G xác định hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G xác định hai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông Trần Đức T và Bà Trương Thị Hương G mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006506 ngày 05/01/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
  - VKSND quận S;
  - Chi cục THADS quận S;
  - UBND P. Đ, TP Đ
- tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phùng Anh Dũng**